

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 10/01/2020.

*V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức.

2. Ông Lương Minh Suốt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 1, ấp S, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1957 (theo giấy ủy quyền ngày 07/3/2019).

Địa chỉ: Số 08, ấp G, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 17, ấp S, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950 (vắng mặt).

2/ Bà Hồ Thị M, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T1 trình bày: Bà Huỳnh Thị H được ông nội là ông Huỳnh Ngọc T3 (đã chết) cho bà phần đất tại thửa 223, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp S, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng chưa sang tên cho bà H. Trên phần đất này bà H có cất nhà ở và có trồng 02 cây dừa (6 năm tuổi, đã có trái); 01 cây bần (tự mọc, khoảng 3 năm tuổi), 04 cây chuối (trồng khoảng 24 tháng, không biết có trái hay chưa) , 04m² lá dừa nước (tự mọc, đã cao). Vào ngày 06/3/2017, ông Trịnh Văn T tự ý chặt phá số cây trồng nêu trên của bà H bao gồm: 02 cây dừa đang cho trái, 01 cây bần, 04 cây chuối, khoảng 4m² lá dừa nước. Sau khi ông T chặt phá cây thì bà H ủy quyền cho ông P (em của bà H) yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T2 giải quyết buộc ông T bồi thường thiệt hại số cây ông T đã chặt, nhưng ông T không đồng ý bồi thường. Đến nay thì số cây ông T đã chặt bỏ chỉ còn gốc cây bần còn những gốc cây kia đã chết hết, hiện trạng không còn.

Ngày 26/02/2019, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại số cây trồng ông T đã chặt phá của bà H gồm: 02 cây dừa mỗi cây 2.000.000 đồng; 01 cây bần 100.000 đồng; 04 cây chuối, mỗi cây 100.000 đồng; 04m² lá dừa nước 100.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 4.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T1 đại diện theo ủy quyền cho bà H thống nhất với giá trị tài sản gồm cây chuối, cây bần, cây dừa, lá dừa nước tranh chấp do Hội đồng định giá đã định giá, tại biên bản định giá ngày 13/7/2019. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại số cây trồng mà ông T đã chặt phá của bà H gồm 02 cây dừa, 01 cây bần, 04 cây chuối, về phần lá dừa nước thì chỉ yêu cầu bồi thường 04m² với mức giá thực tế theo biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2019 của Hội đồng định giá.

- Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Văn T trình bày: Ông T thừa nhận có chặt bỏ một số cây gồm 02 cây dừa (mới mọc, chưa có trái), 04 cây chuối (chưa có trái, cao khoảng 1m), 01 cây bần (đường kính gốc cây khoảng 1 tấc), phần lá dừa nước (cao khoảng 1m, chưa sử dụng lá được, không biết bao nhiêu mét vuông), do những cây này mọc trên phần đất đường nước của ông nên ông chặt bỏ, đường nước do ông sang nhượng của ông Huỳnh Ngọc T3 (ông nội của bà H) vào năm 1995 nằm trong thửa 223, tờ bản đồ số 12. Lúc ông chặt cây thì bà H không có ở nhà cũng không có ai ngăn cản, 02 ngày sau thì bà H ủy quyền cho ông P (em của bà H) yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T2 giải quyết buộc ông bồi thường thiệt hại số cây trồng do ông đã chặt, nhưng ông không đồng ý bồi thường, vì năm 2005 Ủy ban nhân dân xã T2 giao đất đường nước này cho vợ chồng bà H sử dụng, nên ông bỏ luôn đường nước này không sử dụng cho đến năm 2017 thì ông mới đi chặt cây trên đường nước này, cây không phải do ông trồng, không mọc trong phạm vi đất của ông đang sử dụng. Nhưng do đường nước này là của ông, do xã lấy giao cho bà H nên ông mới chặt cây trên phần đất đường nước này. Nhưng giữa ông T và bà H không có tranh chấp đường nước.

Ông T thống nhất với giá trị tài sản gồm cây chuối, cây bần, cây dừa, lá dừa nước tranh chấp do Hội đồng định giá đã định giá, tại biên bản định giá ngày 13/7/2019.

Nay ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông bồi thường phần cây đã chặt với số tiền 4.600.000 đồng, vì ông chặt cây trên đường nước của ông chứ tôi không có chặt cây của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn chưa chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm. Buộc ông T bồi thường thiệt hại cho bà H giá trị cây bị thiệt hại theo thực tế là 224.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng bà Nguyễn Thị H1.

[2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại số cây trồng ông T đã chặt phá của bà H theo giá trị thực tế của Hội đồng định giá tại biên bản định giá ngày 13/7/2019. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T1 cho rằng ông Trịnh Văn T tự ý chặt phá số cây trồng của bà H bao gồm: 02 cây dừa đang cho trái, 01 cây bần, 04 cây chuối, 04m² lá dừa nước gây thiệt hại tài sản của bà H. Nên bà H yêu cầu ông T bồi thường giá trị thiệt hại theo thực tế, theo biên bản định giá ngày 13/7/2019. Nhưng bị đơn ông Trịnh Văn T cho rằng do những cây này tự mọc trên đường nước của ông nên ông chặt bỏ, đường nước do ông sang nhượng của ông Huỳnh Ngọc T3 (ông nội của bà H) vào năm 1995 nằm trong thửa 223, tờ bản đồ số 12. Lúc ông chặt cây thì bà H không có ở nhà cũng không có ai ngăn cản. Nay ông T không đồng ý với yêu cầu khởi

kiện của bà H về việc yêu cầu ông bồi thường phần cây đã chặt, vì ông chặt cây trên đường nước của ông chứ tôi không có chặt cây của bà H.

[2] Xét thấy, ông Trịnh Văn T thừa nhận có chặt bỏ số cây gồm: 02 cây dừa (mới mọc, chưa có trái), 04 cây chuối (chưa có buồng, cao khoảng 1m), 01 cây bần (đường kính gốc cây 1 tấc), phần lá dừa nước (cao khoảng 1m, chưa sử dụng lá được, không biết bao nhiêu mét vuông). Ông T cho rằng phần cây này tự mọc không phải là của bà H, sau khi chặt bỏ số cây đó thì ông cũng không sử dụng. Nhưng qua xem xét thẩm định thực tế thì số cây bị ông T chặt phá mọc trên phần đất phía trước nhà của bà H, phần đất này do bà H đang quản lý, sử dụng và theo lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H1 và bà Hồ Thị M trình bày 02 cây dừa và 04 cây chuối là do bà H trồng, còn cây bần và lá dừa nước thì tự mọc, nhưng phần đất và số cây trồng này do bà H quản lý và sử dụng. Ông T cũng thừa nhận ông không sử dụng phần đất đường nước trước nhà bà H từ năm 2005, phần đất đường nước và số cây mà ông đã chặt bỏ là do bà H quản lý, sử dụng. Đến năm 2017, do ông cho rằng cây mọc trên phần đường nước của ông nên ông chặt bỏ. Như vậy, thấy rằng giữa ông T và bà H do có tranh chấp với nhau về việc sử dụng đường nước nên ông T đã tự ý chặt phá số cây của bà H đang quản lý, sử dụng. Nhưng các bên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về việc tranh chấp đường nước nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, ông T thừa nhận số cây mà ông đã tự ý chặt phá là do bà H quản lý. Do đó, có đủ căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nên việc bà H yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại giá trị số cây trồng nêu trên theo mức giá thực tế tại biên bản định giá ngày 13/7/2019 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về mức bồi thường thiệt hại:

[3.1] Giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá tại biên bản ngày 13/7/2019 thì cây dừa và lá dừa nước do hiện trạng không có nên không phân loại được, không tiến hành định giá được; cây bần hiện trạng còn gốc cây phân loại A với giá 60.000 đồng; cây chuối phân loại C với giá 10.000 đồng/cây x 4 cây = 40.000 đồng. Theo ý kiến của đương sự, lá dừa nước cao 03m thì phân loại B với giá 11.200đ/m², dừa đang cho trái là loại A với giá 500.000đ/cây, còn dừa chưa vượt khỏi mặt đất là thuộc dạng cây giống có giá 40.000đ/cây.

[3.2] Do cây bị chặt phá và số cây không còn hiện trạng nên không có căn cứ xác định giá trị theo lời trình bày của nguyên đơn, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét mức thiệt hại thực tế đã xảy ra và thống nhất áp dụng mức giá theo thừa nhận của bị đơn để xác định mức giá trị bồi thường thiệt hại, cụ thể: Theo bị đơn ông Trịnh Văn T thừa nhận và theo giá trị đã định tại biên bản định giá ngày 13/7/2019: Số cây ông T đã chặt phá bỏ gồm phần lá dừa cao 03m có giá trị 11.200 đồng/m²; phần 02 cây dừa, thân cây chưa vượt khỏi mặt đất, từ gốc lên chót lá cao khoảng 5m, chưa cho trái thuộc dạng cây giống, có giá trị 40.000 đồng/cây.

[4] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định số tài sản là cây trồng của bà H bị thiệt hại thực tế là 01 cây bần loại A 60.000 đồng/cây; 04 cây chuối loại C giá 10.000 đồng/cây x 4 cây = 40.000 đồng; dừa nước 11.200 đồng/m² x 4m² = 44.800 đồng;

02 cây dừa, thân cây chưa vượt khỏi mặt đất 40.000 đồng/cây x 02 cây = 80.000 đồng. Tổng cộng là 224.800 đồng. Nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông T bồi thường thiệt hại cho bà H tổng số tiền là 224.800 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Là 2.050.000 đồng. Bị đơn ông Trịnh Văn T phải chịu. Do nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đã tạm ứng trước chi phí thẩm định, định giá là 2.050.000đ. Nên buộc ông Trịnh Văn T phải nộp 2.050.000 đồng để hoàn trả cho bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và ý kiến về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

[2] Buộc ông Trịnh Văn T bồi thường thiệt hại cho bà Huỳnh Thị H giá trị cây trồng là 224.800 đồng.

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Trịnh Văn T chậm trả số tiền nêu trên cho bà H, thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian trả chậm tại thời điểm thanh toán.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Trịnh Văn T phải chịu là 2.050.000 đồng. Do nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đã tạm ứng trước chi phí thẩm định, định giá số tiền 2.050.000đ. Nên buộc ông Trịnh Văn T phải nộp 2.050.000 đồng để hoàn trả cho bà H.

[5] Về án phí:

[5.1] Bị đơn ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

[5.2] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005462 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ